TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST Ngày 01-8-2025 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Nguyễn Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1997.

Địa chỉ hộ khẩu: Z 3 P1 B49 L51 F C B S, M, P

Địa chỉ hiện nay: A số M đường S, phường T, thành phố V (nay là phường V, Thành phố M).

(vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người phiên dịch: Bà Văn Thị H, sinh năm 1983 – Cộng tác viên của Công ty TNHH Tư vấn Du học và Dịch thuật Toàn cầu.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ hộ khẩu: Số C ấp A, xã T, huyện Đ, B

Địa chỉ: Số M đường P, phường N, thành phố V (nay là phường V, Thành phố M).

Địa chỉ hiện nay: Hiện đang điều trị tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 6, Thành phố M, địa chỉ: T, H, Thành phố M.

(vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thông qua người phiên dịch tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn - bà T trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh H sau một thời gian tìm hiểu thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh B (nay là tỉnh Đ) vào năm 2023. Trong

quá trình sinh sống, vì khác văn hóa và lối sống nên vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Giữa hai vợ chồng không có sự chia sẻ, đồng cảm. Vợ chồng bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 01/08/2024, bà chính dọn ra ngoài và sống cùng với con trai. Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Về con chung: Bà và ông Huy có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 12-07-2023. Vì con còn nhỏ nên bà yêu cầu nuôi cháu Bảo và không yêu cầu ông Huy cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Ông và bà T sau một thời gian tìm hiểu thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh B (nay là tỉnh Đ) vào năm 2023. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Trong quá trình sinh sống vì khác biệt về văn hóa và lối sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Đến tháng 8-2024, bà T đã đưa con đi và sống một mình cùng với con. Nay, bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì hiện nay ông đang phải điều trị cai nghiện ma túy nên việc duy trì cuộc sống hôn nhân là không thể.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 12-07-2023. Vì con còn nhỏ nên ông đồng ý để bà T nuôi con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh H có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố M).

Tại phiên tòa, nguyên đơn T và bị đơn ông Phạm Thanh H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Bà T và ông Phạm Thanh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H thì thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về văn hóa và lối sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, đồng cảm. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 01/08/2024, bà T chính dọn ra ngoài và sống cùng với con trai.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H là có thật, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông Phạm Thanh H có con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 12-07-2023. Bà T có nguyện vọng nuôi cháu B, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Phạm Thanh H.

1. Về hôn nhân: Bà T ly hôn với ông Phạm Thanh H.

2. Về con chung: Bà T và ông Phạm Thanh H có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 12-07-2023. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Gia B và không yêu cầu ông Phạm Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002913 ngày 14-04-2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V (nay là Phòng THADS Khu vực 11, TP. M).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11, TP. M ;
- TAND TP. M;
- Phòng THADS khu vực 11, TP. M;
- UBND huyện B, tỉnh P ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương